

MỤC LỤC

Nội dung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013*

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,952,289,775,305	2,289,382,509,434
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	01	1,457,381,579,592	829,459,259,294
1. Tiền	111		152,716,987,747	215,149,047,387
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,304,664,591,845	614,310,211,907
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		241,702,230,632	237,482,984,125
1. Đầu tư ngắn hạn	121	02	265,237,012,193	274,454,915,888
2. Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(23,534,781,561)	(36,971,931,763)
III. Các khoản phải thu	130		886,391,136,057	882,114,197,701
1. Phải thu của khách hàng	131		148,788,479,858	180,529,903,420
2. Trả trước cho người bán	132		154,890,264,515	196,058,013,223
3. Các khoản phải thu khác	135		584,670,497,561	507,157,423,689
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(1,958,105,877)	(1,631,142,631)
IV. Hàng tồn kho	140		331,026,992,460	316,605,949,009
1. Hàng tồn kho	141	03	334,396,545,471	323,945,751,898
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3,369,553,011)	(7,339,802,889)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35,787,836,563	23,720,119,305
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24,916,739,513	17,310,449,270
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,494,390,542	73,411,292
3. Các khoản thuế phải thu	154		37,686,369	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		9,339,020,139	6,336,258,743

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013*

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,250,313,532,106	3,225,321,952,576
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		506,835,696	299,618,517
1. Phải thu dài hạn khác	218		506,835,696	299,618,517
II. Tài sản cố định	220		1,481,032,029,673	1,451,929,592,575
1. Tài sản cố định hữu hình	221	04	951,853,860,890	941,976,539,062
- Nguyên giá	222		1,715,576,853,842	1,689,567,812,006
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(763,722,992,952)	(747,591,272,944)
3. Tài sản cố định vô hình	227	06	396,416,236,378	412,023,311,045
- Nguyên giá	228		493,042,185,285	492,810,355,420
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(96,625,948,907)	(80,787,044,375)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		132,761,932,404	97,929,742,468
III. Bất động sản đầu tư	240		22,731,603,085	24,018,297,599
- Nguyên giá	241		34,524,970,816	34,524,970,816
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(11,793,367,731)	(10,506,673,217)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	07	1,619,557,457,596	1,621,020,951,305
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,256,100,000,000	1,256,100,000,000
2. Lợi thế thương mại	269		348,457,457,596	349,920,951,305
3. Đầu tư dài hạn khác	258		15,000,000,000	15,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		126,485,606,056	128,053,492,580
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		92,569,915,854	79,707,784,012
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		33,632,775,202	47,795,925,568
3. Tài sản dài hạn khác	268		282,915,000	549,783,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6,202,603,307,411	5,514,704,462,010

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013*

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		1,559,752,889,652	1,469,330,630,943
I. Nợ ngắn hạn	310		1,259,586,048,622	1,353,059,965,053
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	08	568,937,942,136	529,559,033,303
2. Phải trả cho người bán	312		219,095,568,268	274,618,256,546
3. Người mua trả tiền trước	313		50,113,222,986	37,628,753,830
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	09	40,769,795,307	102,723,109,885
5. Phải trả công nhân viên	315		30,922,133,404	61,215,290,368
6. Chi phí phải trả	316		151,141,247,472	181,636,672,869
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	10	138,092,321,475	121,494,113,721
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		60,513,817,574	44,184,734,531
II. Nợ dài hạn	330		300,166,841,030	116,270,665,890
1. Nợ dài hạn khác	333		60,661,179,221	63,637,569,390
2. Vay và nợ dài hạn	334	11	239,505,661,809	52,633,096,500
3. Dự phòng mất việc làm	336		-	-
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +420)	400		4,640,731,819,092	4,010,273,661,046
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	4,640,731,819,092	4,010,273,661,046
1. Vốn cổ phần	411		1,676,282,700,000	1,599,216,250,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,344,308,719,177	2,189,781,329,788
3. Cổ phiếu quỹ	414		(152,626,203,900)	(655,246,276,814)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		25,370,280,515	25,370,280,515
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		25,792,635,752	25,792,635,752
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		15,909,752,661	15,909,752,661
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		705,693,934,887	809,449,689,144
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		2,118,598,667	35,100,170,021
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,202,603,307,411	5,514,704,462,010

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

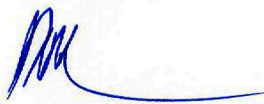
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:				
- USD			18,324,998.69	2,041,170
- EURO			108.11	102
- RMB				-

Ngày 14 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Ngọc Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Oanh



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT***Quý II năm 2013*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	917,050,683,842	845,354,569,574	1,733,912,145,613	1,557,674,525,069
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18,040,226,368	6,043,855,384	27,996,773,322	8,142,303,768
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		899,010,457,474	839,310,714,190	1,705,915,372,291	1,549,532,221,301
4. Giá vốn hàng bán	11		535,518,093,440	489,400,435,024	1,036,806,028,989	957,887,281,759
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		363,492,364,035	349,910,279,167	669,109,343,303	591,644,939,542
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	34,455,931,934	45,126,480,687	56,543,168,175	75,704,501,739
7. Chi phí tài chính	22	15	18,843,296,004	100,311,055,891	35,185,998,493	126,249,455,170
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		15,317,629,249	21,125,949,839	26,246,062,796	59,907,880,630
8. Chi phí bán hàng	24		197,262,458,676	177,360,126,579	376,922,685,630	334,602,278,954
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		89,448,349,989	89,089,935,751	169,416,485,767	170,263,450,620
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		92,394,191,300	28,275,641,632	144,127,341,587	36,234,256,537
11. Thu nhập khác	31	16	5,464,878,404	3,540,862,144	9,000,086,413	11,775,259,450
12. Chi phí khác	32	17	14,896,551,061	14,308,499,307	21,808,645,211	20,769,840,646
13. Lợi nhuận khác	40		(9,431,672,657)	(10,767,637,163)	(12,808,558,798)	(8,994,581,196)
14. (Lỗ) lợi nhuận từ công ty liên kết	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		82,962,518,643	17,508,004,470	131,318,782,790	27,239,675,341
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	28,966,201,513	8,712,450,989	38,572,014,137	12,012,573,850
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		8,094,973,733	15,717,991,514	14,208,538,454	22,159,732,725
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45,901,343,397	(6,922,438,033)	78,538,230,199	(6,932,631,234)
Phân bổ cho:						
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(81,414,285)	1,079,166,426	(1,118,267,503)	1,734,576,782
Cổ đông của công ty mẹ	62		45,982,757,682	(8,001,604,459)	79,656,497,702	(8,667,208,016)

Ngày 14 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP


Phạm Thị Ngọc Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Nguyễn Thị Oanh

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trần Lê Nguyễn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		131,318,782,790	489,927,954,185
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		33,257,319,053	215,148,557,479
- Các khoản dự phòng	03		(17,080,436,834)	11,013,981,270
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		593,925,418	(2,781,973,065)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(33,286,734,963)	(51,459,916,808)
- Chi phí lãi vay	06		26,246,062,796	94,369,615,032
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	-	141,048,918,260	756,218,218,093
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09		(51,557,964,309)	64,968,349,554
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10		(10,450,793,573)	75,709,579,408
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(30,110,928,325)	(94,402,339,724)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12		(20,468,422,085)	24,994,132,139
- Tiền lãi vay đã trả	13		(26,246,062,796)	(96,483,378,327)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(109,228,999,562)	(77,403,326,392)
- Tiền thu(chi) khác từ hoạt động kinh doanh	15		(22,459,723,277)	(3,253,040,813)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-	(129,473,975,668)	650,348,193,938
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(61,073,061,637)	(222,818,458,228)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	7,788,090,788
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,152,297,008,500)	(2,773,200,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,105,000,000,000	2,851,929,343,712
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(258,883,483,745)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		616,782,179,959	111,288,125,542
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		55,117,928,524	30,504,845,950
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	563,530,038,346	(253,391,535,981)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		149,383,008,500	693,153,676,333
Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số				200,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(501,376,498,414)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,016,660,035,091	2,102,838,534,453
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(823,705,291,672)	(2,517,380,411,634)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(151,987,257,000)	(315,253,138,377)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		190,350,494,919	(537,817,837,639)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		624,406,557,597	(140,861,179,682)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		829,459,259,294	967,330,130,617
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3,515,762,701	2,990,308,359
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1,457,381,579,592	829,459,259,294

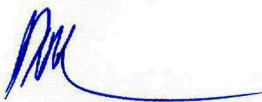
Ngày 14 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Ngọc Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Oanh



TÓNG GÁM ĐỐC



Trần Lê Nguyễn

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Quý II năm 2013

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Kinh Đô (“KDC” hoặc “Công ty”), các công ty con, các công ty liên kết và một công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

KDC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh:

Ngày:

Số 4103001184

Điều chỉnh lần thứ nhất 26 tháng 11 năm 2002

Điều chỉnh lần thứ hai 22 tháng 9 năm 2003

Điều chỉnh lần thứ ba 11 tháng 12 năm 2003

Điều chỉnh lần thứ tư 3 tháng 8 năm 2004

Điều chỉnh lần thứ năm 7 tháng 10 năm 2004

Điều chỉnh lần thứ sáu 11 tháng 5 năm 2005

Điều chỉnh lần thứ bảy 18 tháng 5 năm 2006

Điều chỉnh lần thứ tám 6 tháng 7 năm 2006

Điều chỉnh lần thứ chín 6 tháng 11 năm 2007

Điều chỉnh lần thứ mười 10 tháng 10 năm 2008

Số 0302705302

Điều chỉnh lần thứ mười một 21 tháng 1 năm 2010

Điều chỉnh lần thứ mười hai 1 tháng 11 năm 2010

Điều chỉnh lần thứ mười ba 26 tháng 03 năm 2011

Điều chỉnh lần thứ mười bốn 02 tháng 03 năm 2012

Điều chỉnh lần thứ mười lăm 23 tháng 11 năm 2012

Điều chỉnh lần thứ mười sáu 21 tháng 03 năm 2013

Điều chỉnh lần thứ mười bảy 02 tháng 04 năm 2013

KDC được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của KDC là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDC có trụ sở chính đăng ký tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Các công ty con

· **Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương (“KDBD”)**

KDC sở hữu 99.8% vốn cổ phần trong KDBD, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐK KD số 4603000129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004.

Hoạt động chính của KDBD là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDBD có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

· **Công ty Cổ phần Vinabico (“Vinabico”)**

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong Vinabico, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003.

Hoạt động chính của Vinabico là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo và sản xuất nước uống tinh khiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vinabico có trụ sở và nhà máy đăng ký tại 436 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

· Công ty TNHH MTV KIDO (“KIDO”)

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong KIDO, một công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003.

Hoạt động chính của KIDO là sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống như kem ăn, sữa và các sản phẩm làm từ sữa.

KIDO có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

· Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc (“NKD”)

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong NKD, một công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 139/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 19 tháng 8 năm 1999 và GCNĐKKD số 0503000001 và số 0900178525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên lần lượt cấp ngày 28 tháng 1 năm 2000 và ngày 25 tháng 1 năm 2011.

Hoạt động chính của NKD là sản xuất và chế biến các loại thực phẩm, bao gồm các loại bánh thượng hạng, kinh doanh thực phẩm, các loại đồ uống, rượu và thuốc lá tại Việt Nam, và cho thuê nhà xưởng.

NKD có trụ sở chính đăng ký tại Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam và một chi nhánh tại số 200 Thái Hà, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các công ty liên kết

· Công ty TNHH Tân An Phước (“TAP”)

KDC sở hữu 49% vốn điều lệ trong TAP, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309403269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009.

Hoạt động chính của TAP là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TAP có trụ sở đăng ký tại số 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

· Công ty Cổ phần Bất động sản Thành Thái (“TTR”)

KDC sở hữu 30% vốn điều lệ trong TTR, một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310442801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính của TTR là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TTR có trụ sở đăng ký tại số 332 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty liên doanh đồng kiểm soát

· Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”)

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Lavenue, một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐK KD số 0310306044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010.

Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Lavenue có trụ sở đăng ký tại Lầu 7, Tòa nhà Sunwah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP HCM công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị nhiên vật liệu tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Thương hiệu	20 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Lợi thế quyền thuê đất	55 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các loại chứng khoán đầu tư dài hạn không giao dịch trên thị trường thì căn cứ vào số lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của công ty phát hành các chứng khoán này tại thời điểm kết thúc năm tài chính cùng kỳ.

Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh đồng kiểm soát

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ghi nhận chi phí phải trả, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn cổ phần) được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu (bằng số cổ phần đã phát hành nhân với mệnh giá)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với Doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp này được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các niên độ kế toán trước và sau.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên Bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Những thông tin bổ sung****01- Tiền**

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	3,602,265,031	1,459,782,477
- Tiền gửi ngân hàng	148,599,211,723	211,785,272,910
- Tiền đang chuyển	1,872,955,500	1,903,992,000
- Các khoản tương đương tiền	1,303,307,147,338	614,310,211,907
Cộng	1,457,381,579,592	829,459,259,294

02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:**- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán đã niêm yết:	27,762,001,525	32,741,487,000
Chứng khoán chưa niêm yết	16,603,974,380	15,996,392,600
Trái phiếu doanh nghiệp	252,000,000	98,000,000

- Đầu tư ngắn hạn khác

Đầu tư ngắn hạn khác	220,619,036,288	225,619,036,288
Cộng	265,237,012,193	274,454,915,888

- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(16,034,781,561)	(24,471,931,763)
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	(7,500,000,000)	(12,500,000,000)
Cộng	241,702,230,632	237,482,984,125

03- Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	19,002,522,168	10,239,873,840
- Nguyên liệu, vật liệu	218,122,171,191	184,979,783,982
- Công cụ, dụng cụ	34,806,676,903	28,842,914,533
- Chi phí SX, KD dở dang	1,303,341,662	3,327,274,866
- Thành phẩm	29,579,388,782	93,969,539,629
- Hàng hóa	31,582,444,765	2,586,365,048
Cộng giá gốc hàng tồn kho	334,396,545,471	323,945,751,898
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3,369,553,011)	(7,339,802,889)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	331,026,992,460	316,605,949,009

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**04. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	391,412,863,319	1,091,707,291,181	133,612,141,888	72,835,515,618	1,689,567,812,006
_ Mua trong kỳ	3,557,082,214	19,566,186,504	484,380,073	4,665,351,193	28,272,999,984
_ Đầu tư XDCB hoàn thành	11,733,296,738	51,630,369,546	3,105,525,775	1,687,140,675	68,156,332,734
_ Tăng khác	-	-	-	113,717,334	113,717,334
_ Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
_ Thanh lý nhượng bán	686,159,999	43,167,433,893	4,685,644,136	5,608,753,643	54,147,991,671
_ Giảm khác	151,987,948	7,431,747,563	100,998,900	8,701,282,134	16,386,016,545
Số dư cuối kỳ	405,865,094,324	1,112,304,665,775	132,415,404,700	64,991,689,043	1,715,576,853,842
II. Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu năm	92,033,184,946	547,364,507,782	56,182,891,435	52,010,688,781	747,591,272,944
Khấu hao trong kỳ	11,695,443,125	50,831,839,081	8,015,774,924	5,176,095,400	75,719,152,529
_ Tăng khác	-	-	-	32,354,272	32,354,272
_ Chuyển san bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
_ Thanh lý nhượng bán	613,189,121	39,042,383,808	4,378,319,297	3,529,120,498	47,563,012,724
_ Giảm khác	110,983,043	4,739,674,869	64,929,456	7,141,186,702	12,056,774,070
Số dư cuối kỳ	103,004,455,907	554,414,288,186	59,755,417,606	46,548,831,253	763,722,992,951
III. Giá trị còn lại của TSCĐ					-
_ Tại ngày đầu năm	299,379,678,373	544,342,783,399	77,429,250,453	20,824,826,837	941,976,539,062
_ Tại ngày cuối kỳ	302,860,638,418	557,890,377,589	72,659,987,094	18,442,857,791	951,853,860,891

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Thương hiệu	Lợi thế quyền thuê đất	Mối quan hệ với khách hàng	TSCĐ VH khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình							
Số dư đầu năm	64,772,106,766	76,563,143,871	16,591,966,348	55,268,061,247	277,615,077,188	2,000,000,000	492,810,355,420
_ Mua trong quý	-	231,829,865	-	-	-	-	231,829,865
_ Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-
_ Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-
_ Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
_ Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
_ Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	64,772,106,766	76,794,973,736	16,591,966,348	55,268,061,247	277,615,077,188	2,000,000,000	493,042,185,285
II. Giá trị hao mòn lũy kế						-	-
Số dư đầu năm	7,794,602,688	27,841,536,558	3,318,393,116	5,130,627,365	34,701,884,648	2,000,000,000	80,787,044,375
_ Khấu hao trong kỳ	912,108,617	4,243,704,911	829,598,317	1,178,021,531	8,675,471,155	-	15,838,904,532
_ Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
_ Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-
_ Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
_ Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	8,706,711,305	32,085,241,469	4,147,991,433	6,308,648,896	43,377,355,803	2,000,000,000	96,625,948,907
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH							-
_ Tại ngày đầu năm	<u>56,977,504,078</u>	<u>48,721,607,313</u>	<u>13,273,573,232</u>	<u>50,137,433,882</u>	<u>242,913,192,540</u>	-	412,023,311,045
_ Tại ngày cuối kỳ	<u>56,065,395,461</u>	<u>44,709,732,267</u>	<u>12,443,974,915</u>	<u>48,959,412,351</u>	<u>234,237,721,385</u>	-	396,416,236,378
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang						Số dư cuối quý	Số dư đầu năm
- Tổng số chi phí XDCB dở dang:						132,761,932,404	146,359,225,728

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

07- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**a- Đầu tư vào công ty con(chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty con)**

	Tỷ lệ sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty CP Kinh Đô Bình Dương	99.80%	560,950,000,000
Công ty CP Vinabico	100.00%	122,541,388,500
Công ty NHHH MTV Kido	100%	247,559,771,500
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	100%	694,175,525,000

b- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty liên doanh, liên kết)

	Tỷ lệ sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty TNHH Tân An Phước	49%	204,300,000,000
Công ty Cổ phần Bất động sản Thành Thái	30%	1,800,000,000

c- Đầu tư vào công ty liên doanh đồng kiểm soát

	Tỷ lệ sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue	50%	1,050,000,000,000

d- Đầu tư dài hạn khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu		
Cổ phiếu chưa niêm yết	15,000,000,000	15,000,000,000
Cộng	15,000,000,000	15,000,000,000
- Dự phòng đầu tư cổ phiếu dài hạn	-	-
Giá trị đầu tư thuần:	15,000,000,000	15,000,000,000
	-	-

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ:

	Kỳ này	Năm trước
-Số Đầu năm	-	44,080,586,084
- Hoàn nhập dự phòng	-	44,080,527,710
- Chuyển từ dài hạn sang ngắn hạn	-	58,374
- Số cuối kỳ:	-	-

08- Vay và nợ ngắn hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vay ngắn hạn	423,442,335,239	529,559,033,303
- Nợ dài hạn đến hạn trả	145,495,606,897	
Cộng	568,937,942,136	529,559,033,303

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**09- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thuế giá trị gia tăng	6,178,684,436	17,798,220,570
- Thuế xuất, nhập khẩu	298,276,207	480,358,799
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	32,823,148,611	79,116,759,336
- Thuế thu nhập cá nhân	999,692,891	4,233,648,849
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	289,179,456	
- Các loại thuế khác	180,813,706	1,094,122,331
Cộng	40,769,795,307	102,723,109,885

10 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Tài sản thừa chờ giải quyết	2,930,467,920	-
- Kinh phí công đoàn	1,237,635,945	2,466,048,047
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	2,399,900,008	1,811,992,728
- Phải trả về cổ phần hoá	193,900,000	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2,850,955,725	2,987,218,796
- Doanh thu chưa thực hiện	1,473,966,000	2,947,932,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	127,005,495,877	111,280,922,150
Cộng	138,092,321,475	121,494,113,721

11- Vay và nợ dài hạn**a - Vay dài hạn**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vay ngân hàng	239,505,661,809	52,633,096,500
Cộng	239,505,661,809	52,633,096,500

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VỐN CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

KHOẢN MỤC	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
Năm trước:									
Số dư đầu kì trước	1,195,178,810,000	1,950,665,093,455	(153,869,778,400)	779,434,568,252	(891,411,434)	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	3,837,589,950,801
Phát hành CP mới	140,000,000,000	503,153,676,333							643,153,676,333
Phát hành CP thường	264,037,440,000	(264,037,440,000)							-
Mua cổ phiếu quỹ			(501,376,498,414)						(501,376,498,414)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái					891,411,434				891,411,434
Lợi nhuận thuần trong năm				353,944,403,336					353,944,403,336
Cổ tức đã trả				(311,455,718,925)					(311,455,718,925)
Trích lập quỹ				(6,728,181,334)					(6,728,181,334)
Thù lao hội đồng quản trị				(5,745,382,185)					(5,745,382,185)
Giảm khác									-
Số dư cuối kì	1,599,216,250,000	2,189,781,329,788	(655,246,276,814)	809,449,689,144	-	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	4,010,273,661,046
Năm nay									
Số dư đầu kì	1,599,216,250,000	2,189,781,329,788	(655,246,276,814)	809,449,689,144	-	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	4,010,273,661,046
Tăng vốn	-	82,210,830,890	-	-	-	-	-	-	82,210,830,890
Phát hành CP thường	66,010,000,000	31,686,000,000	-	-	-	-	-	-	97,696,000,000
Phát hành CP mới cho việc hợp nhất KD	11,056,450,000	40,630,558,500	-	-	-	-	-	-	51,687,008,500
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	79,656,497,702	-	-	-	-	79,656,497,702
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	502,620,072,914	-	-	-	-	-	502,620,072,914
Tăng khác	-	-	-	132,566,409	-	-	-	-	132,566,409
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức đã trả	-	-	-	(151,987,257,000)	-	-	-	-	(151,987,257,000)
Trích lập quỹ	-	-	-	(31,539,000,000)	-	-	-	-	(31,539,000,000)
Giảm khác	-	-	-	(18,561,368)	-	-	-	-	(18,561,368)
Số dư cuối kì	1,676,282,700,000	2,344,308,719,178	(152,626,203,900)	705,693,934,887	-	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	4,640,731,819,092

Công ty Cổ Phần Kinh Đô Bình Dương bán 13.043.112 cổ phiếu KDC, Công ty Cổ Phần Vinabico bán 15.960 cổ phiếu KDC Công ty ghi nhận giảm cổ phiếu quỹ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**13- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Trong đó:

- Doanh thu thành phẩm đã bán

- Doanh thu hàng hóa đã bán

Cộng**Trừ**

- Hàng bán bị trả lại:

- Chiết khấu thương mại

Doanh thu thuần:**Quý II năm nay****Quý II năm trước**

896,925,565,421

810,024,856,547

20,125,118,421

35,329,713,027

917,050,683,842**845,354,569,574**

(17,572,182,557)

(6,043,855,384)

(468,043,811)**899,010,457,474****839,310,714,190****14- Doanh thu hoạt động tài chính**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Doanh thu hoạt động chứng khoán

- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

- Cổ tức lợi nhuận được chia

- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Quý II năm nay**Quý II năm trước**

33,286,734,963

32,296,754,526

5,600

7,886,184,290

294,877,994

4,943,541,871

135,422,070

738,891,307

-

34,455,931,934**45,126,480,687****Cộng****15- Chi phí tài chính**

- Lãi tiền vay

- Chi phí hoạt động chứng khoán

- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn

- Chi phí tài chính khác

Quý II năm nay**Quý II năm trước**

15,185,750,421

21,125,949,839

1,847,247,841

75,358,648,756

2,116,611,543

3,201,006,644

593,925,418

(7,300,685,600)

6,400,446,381

625,450,652

18,843,296,004**100,311,055,891****Cộng****16- Thu nhập khác**

- Thu từ bán phế liệu

- Thanh lý tài sản

- Thu nhập khác

Quý II năm nay**Quý II năm trước**

2,444,628,052

1,944,311,538

802,258,838

584,877,445

2,217,991,514

1,011,673,161

5,464,878,404**3,540,862,144****Cộng****17- Chi phí khác**

- Từ bán phế liệu

- Thanh lý tài sản

- Chi phí khác

Quý II năm nay**Quý II năm trước**

1,571,445,908

2,089,136,232

1,185,735,665

774,700,477

12,139,369,488

11,444,662,598

14,896,551,061**14,308,499,307****Cộng****19- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện h

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Quý II năm nay**Quý II năm trước**

28,966,201,513

8,712,450,989

8,094,973,733

15,717,991,514

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**20- Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Các nghiệp vụ với các bên có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các công ty có liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>VNĐ</i>			
<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý 2/2013)</i>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Thu hồi khoản cho vay	505,000,000,000
		Cho vay ngắn hạn	501,000,000,000
		Lãi cho vay	15,848,029,027
		Phí bản quyền thương hiệu	2,296,638,300
		Chi hộ	80,000,000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, hàng hóa	237,942,917
		Bán nguyên vật liệu, bao bì, công cụ, dụng cụ	709,210,970
		Mua thành phẩm	102,712,000
Công ty TNHH Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	18,671,524,737
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1,338,750,000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Phải thu khách hàng

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Tại ngày 30/06/2013</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	48,579,765,094
Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	4,297,916
Cộng			48,584,063,010

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Phải thu khác****Công ty liên quan****Mối quan hệ****Nội dung nghiệp vụ****Tại ngày 30/06/2013**

Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô

Công ty liên quan

Phải thu khác

360,444,921,762

Công ty Cổ phần Hùng Vương

Công ty liên quan

Lãi vay

1,338,750,000

Công ty TNHH Tân An Phước

Công ty liên quan

Chi trả hộ

303,421,616

Cộng**362,087,093,378****Phải trả nhà cung cấp****Công ty liên quan****Mối quan hệ****Nội dung nghiệp vụ****Tại ngày 30/06/2013**

Công ty TNHH Tong Yuan

Công ty liên quan

Mua bao bì

16,036,483,358

Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô

Công ty liên quan

Thu hộ

680,000,000

Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn Công ty liên quan

Mua thành phẩm

163,255,502

Cộng**16,879,738,860****Ứng trước cho nhà cung cấp****Công ty liên quan****Mối quan hệ****Nội dung nghiệp vụ****Tại ngày 30/06/2013**

Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô

Công ty liên quan

Tạm ứng phí bản quyền

22,030,392,142

22,030,392,142**Phải trả khác****Công ty liên quan****Mối quan hệ****Nội dung nghiệp vụ****Tại ngày 30/06/2013**

Công ty TNHH Tân An Phước

Công ty liên quan

Hợp đồng hợp tác

kinh doanh

100,000,000,000

Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn Công ty liên quan

Thu hộ

51,498,000

Cộng**100,051,498,000**

Ngày 14 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Ngọc Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Oanh



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Lê Nguyễn